

Bản án số: 1813/2020/HC-ST
Ngày: 19-10-2020
V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính và hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hải Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Thực
2. Bà Võ Thị Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 tháng 9 năm 2020, ngày 24 tháng 9 năm 2020 và ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 395/2018/HCST ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3593/2020/QĐXXST-HC ngày 17 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 8722/2020/QĐST-HC ngày 13 tháng 8 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10197/2020/QĐST-HC ngày 09 tháng 9 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10268/2020/QĐST-HC ngày 23 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Thạch Thị N, sinh năm 1960; Địa chỉ: phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người bị kiện:*

2.1 Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, khu phố 7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Người bị kiện: Ông Nguyễn Việt D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Là người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện. (Theo Giấy ủy quyền số 4454/UQ-UBND ngày 12/4/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn V - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C.

2.2 Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện: Ông Phan Thanh T - Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C.

2.3 Ủy ban nhân dân xã T, huyện C; Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C: Bà Nguyễn Thị H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C. Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền số 481/UQ-UBND ngày 03/4/2019).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Thạch Thị U, sinh năm 1965; Địa chỉ: xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Thạch Thị U: Ông Trác Hiệp T. Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền ngày 02/6/2020).

3.2 Ông Trác Hiệp T, sinh năm 1963; Địa chỉ: xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Ông Trần Phát Đ, sinh năm 1958; Địa chỉ: xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4 Bà Lê Thị L, sinh năm 1960; Địa chỉ: xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5 Bà Thạch Thị Thu T, sinh năm 1966; Địa chỉ: xã C, thành phố C, tỉnh K.

3.6 Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1973; Địa chỉ: xã C, thành phố C, tỉnh K.

3.7 Ông Thạch Ngọc T, sinh năm 1992; Địa chỉ: xã C, thành phố C, tỉnh K.

3.8 Ông Thạch Ngọc K, sinh năm 1994; Địa chỉ: xã C, thành phố C, tỉnh K.

3.9 Bà Thạch Ngọc Tường V, sinh năm 1996; Địa chỉ: xã C, thành phố C, tỉnh K.

3.10 Ông Thạch Ngọc B, sinh năm 1968; Địa chỉ: xã L, thành phố C, tỉnh K.

3.11 Bà Thạch Thị P, sinh năm 1948; Địa chỉ: Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Thạch Thị N. Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền ngày 07/9/2016).

3.12 Ông Thạch Văn C, sinh năm 1952; Địa chỉ: xã T, huyện X, tỉnh R.

Người đại diện hợp pháp: Bà Thạch Thị N. Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền ngày 08/8/2016).

3.13 Ông Thạch G, sinh năm 1958 Địa chỉ: Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Thạch Thị N. Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền ngày 02/8/2016).

3.14 Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1974; Địa chỉ: xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Thạch Thị N. Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền ngày 24/4/2017).

3.15 Ông Nguyễn Thành Th2, sinh năm 1971; Địa chỉ: xã Q, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Thạch Thị N. Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền ngày 16/5/2017).

3.16 Ông Nguyễn Thành Th, sinh năm 1974; Địa chỉ: xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Thạch Thị N. Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền ngày 15/11/2017).

3.17 Ông Điều T, sinh năm 1989; Địa chỉ: xã A, huyện H, tỉnh P.

Người đại diện hợp pháp: Bà Thạch Thị N. Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền ngày 08/11/2017).

Tại phiên tòa ngày 09/9/2020 và ngày 24/9/2020:

Các đương sự gồm:

Bà Thạch Thị N, Ủy ban nhân dân xã T huyện C, ông Trác Hiệp T, ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L, có mặt;

Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin vắng mặt;

Bà Thạch Thị Thu T, bà Nguyễn Thị P, ông Thạch Ngọc T, ông Thạch Ngọc K, bà Thạch Ngọc Tường V, ông Thạch Ngọc B vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin vắng mặt,

Tại phiên tòa ngày 19/10/2020:

Các đương sự gồm:

Bà Thạch Thị N có mặt;

Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân xã T, huyện C có đơn xin vắng mặt;

Ông Trác Hiệp T, ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L, bà Thạch Thị Thu T, bà Nguyễn Thị P, ông Thạch Ngọc T, ông Thạch Ngọc K, bà Thạch Ngọc Tường V, ông Thạch Ngọc B vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện bà Thạch Thị N trình bày:

Năm 1976 gia đình bà gồm cha bà là ông Thạch S, mẹ bà là bà Võ Thị C, bà và bà Thạch Thị U đi vùng kinh tế mới và được Nhà nước cấp cho diện tích 1000m² đất. Các anh chị em khác không tham gia vùng kinh tế mới. Năm 1982 bà theo chồng về thành phố ở. Năm 1987 bà U lấy chồng ở ấp T.

Ngày 10/12/1998, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2375, tờ bản đồ số 21 thửa đất số 463 diện tích 1000m² đất thổ vườn cho mẹ bà là bà Võ Thị C.

Năm 2001, bà U đã chuyển nhượng một phần diện tích đất trên cho bà T.

Năm 2002 mẹ bà là bà Võ Thị C chết, cha bà là ông Thạch S đứng tên nhận thừa kế quyền sử dụng đất do mẹ bà để lại và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00184/16 ngày 24/02/2006 với diện tích 520,8m². Việc cha bà đứng tên nhận thừa kế quyền sử dụng đất do mẹ bà để lại là chưa phù hợp

quy định vì cha bà không phải là người thừa kế duy nhất. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho cha bà là chưa phù hợp.

Đến năm 2006 cha bà lập thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Thạch Thị U và đã được Ủy ban nhân dân huyện C cập nhật trang 4 ngày 03/5/2006 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00184/16 sang tên bà Thạch Thị U đứng tên, số vào sổ H00439/16.

Năm 2013 bà Thạch Thị U tiến hành lập thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03269 ngày 22/02/2013 do bà Thạch Thị U đứng tên.

Năm 2008, bà U chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích đất này cho ông Trần Phát Đ và vợ là bà Lê Thị L. Ngày 23/9/2015 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai C đã cập nhật điều chỉnh trang 4 giấy chứng nhận số CH03269 ngày 22/02/2013 sang tên ông Đ, bà L.

Việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 đứng tên mẹ bà là không đúng quy định pháp luật, mà phải cấp cho hộ gia đình, bà là người có góp công sức nên cũng có phần. Việc Ủy ban nhân dân xã T xác nhận cha bà ông Thạch S là người thừa kế duy nhất là không phù hợp, cố tình làm sai lệnh hồ sơ. Về việc cấp giấy phép xây dựng cho ông Đ và bà L, bà đã nhiều lần nộp đơn khiếu nại nhưng Ủy ban nhân dân huyện C vẫn cố tình cấp giấy phép. Từ việc cấp giấy chứng nhận cho ông Thạch S trái quy định pháp luật, dẫn đến việc sang tên, cấp đổi giấy chứng nhận cho bà U và ông Đ, bà L trái quy định pháp luật.

Do vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 563208 số vào sổ cấp GCN số H00184/16 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Thạch S ngày 24/02/2006 và nội dung cập nhật biến động sang tên bà Thạch Thị U vào sổ số H00439/16 ngày 03/5/2006; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 211778 số vào sổ cấp GCN số CH 003269 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Thạch Thị U ngày 22/02/2013 và nội dung cập nhật sang tên cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L ngày 23/9/2015. Hủy Giấy phép xây dựng số 2047B/GPXD ngày 09/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L. Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T, huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C

bồi thường chi phí đi lại, photo tài liệu phục vụ cho việc khởi kiện số tiền 15.000.000 đồng. Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T, huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C khôi phục lại tình trạng ban đầu căn nhà của bà Võ Thị C và cây ăn trái trên đất. Hiện trạng hiện nay là hai dãy nhà của ông Đ và bà L. Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C trả lại và khôi phục Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 575917 vào sổ cấp GCN số 2375/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Võ Thị C ngày 10/12/1998.

Tại bản tự khai ngày 18/4/2019, Người đại diện hợp pháp của Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C có ông Nguyễn Việt D là người đại diện ủy quyền trình bày:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00184/16, với diện tích 520,8m² do ông Thạch S đứng tên nhận thừa kế từ vợ là bà Võ Thị C đã chết để lại chưa phù hợp quy định do ông Thạch S không phải là người thừa kế duy nhất dẫn đến việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00184/16, với diện tích 520,8m² cho ông Thạch S đứng tên cũng chưa phù hợp.

Do năm 2006, ông Thạch S đã tặng cho phần đất này cho bà Thạch Thị U. Được Ủy ban nhân dân huyện C cập nhật biến động trang 4 ngày 03/5/2006 cho bà Thạch Thị U vào sổ số H00439/16. Năm 2013, bà Thạch Thị U tiến hành thủ tục xin cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Được Ủy ban nhân dân huyện C cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 211778, ngày 22/02/2013, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03269 do bà U đứng tên; Năm 2015, bà Thạch Thị U chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho ông Trần Phát Đ và bà Lê Thị L. Được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cập nhật biến động trang 3 ngày 23/9/2015 cho ông Trần Phát Đ và bà Lê Thị L, theo hồ sơ số 003417.CN.003. Nên căn cứ tại khoản 5, khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giải quyết vụ án theo trình tự pháp luật.

Theo nội dung Văn bản trình bày ý kiến số 4258/UBND-NCPC ngày 17/9/2018, Người bị kiện Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

1/ Về nguồn gốc:

Ông Thạch S được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 563208, ngày 24/02/2006, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00184/16, với diện tích 520,8m², thửa 89, tờ bản đồ số 100 (tài liệu bản đồ KTS), bộ địa chính xã T. Nguồn gốc nhận thừa kế từ vợ là bà Võ Thị C.

Tháng 5/2006, ông Thạch S tặng cho phần đất này cho bà Thạch Thị U. Được Ủy ban nhân dân huyện C cập nhật biến động trang 4 ngày 03/5/2006 cho bà Thạch Thị U vào sổ số H00439/16.

Đến năm 2013, bà Thạch Thị U lập thủ tục xin cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Được Ủy ban nhân dân huyện C cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 211778, ngày 22/02/2013, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03269, với diện tích 496,4m², thửa 89, tờ bản đồ số 100, (tài liệu bản đồ KTS), bộ địa chính xã T. Về phần diện tích giảm là do ảnh hưởng dự án đầu tư xây dựng Tuyến N2 đoạn C tại thị trấn C và xã T, huyện C, theo Quyết định thu hồi số 8640/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Năm 2015, bà Thạch Thị U tiếp tục chuyển nhượng phần đất 496,4m² cho ông Trần Phát Đ và bà Lê Thị L. Được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cập nhật biến động trang 3 ngày 23/9/2015 cho ông Trần Phát Đ và bà Lê Thị L, theo hồ sơ số 003417.CN.003.

2/ Về cơ sở pháp lý:

Căn cứ:

Đơn xin thừa kế ngày 10/01/2006 của ông Thạch S có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C ngày 19/01/2006; Giấy cho đất của ông Thạch S cho con ruột là bà Thạch Thị U ngày 11/4/2006 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T huyện C ngày 13/4/2006; Quyết định số 8640/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất bị ảnh hưởng bởi dự án đầu tư xây dựng Tuyến N2 đoạn C tại Thị trấn C và xã T, huyện C đối với ông (bà) Thạch Thị U thì việc cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Ngoài ra trong thời gian cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên không có quyết định hay văn bản ngăn chặn nào của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Nay bà Thạch Thị N khởi kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính. Căn cứ tại khoản 5, khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giải quyết vụ án theo trình tự pháp luật.

Theo nội dung Văn bản trình bày ý kiến số 515/UBND ngày 04/4/2019 Người bị kiện Ủy ban nhân dân xã T, huyện C trình bày:

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 563208 số vào sổ cấp GCN số H00184/16 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Thạch S ngày 24/02/2006 và nội dung cập nhật biến động sang tên bà Thạch Thị U vào sổ số H00439/16 ngày 03/5/2006; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 211778 số vào sổ cấp GCN số CH 003269 do huyện C cấp cho bà Thạch Thị U ngày 22/02/2013 và nội dung cập nhật sang tên cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L ngày 23/9/2015: Căn cứ tại khoản 5, khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giải quyết vụ án theo trình tự pháp luật. Ủy ban nhân dân xã T sẽ phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện khi có bản án của Tòa án nhân dân Thành phố.

Đối với yêu cầu hủy Giấy phép xây dựng số 2047B/GPXD ngày 09/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L: Việc cấp giấy phép là đúng quy định, đồng thời, giấy phép xây dựng cấp cho ông Đ, bà L có thời hạn là 12 tháng kể từ ngày cấp phép, hiện trên khu đất có công trình nhà ở đang sử dụng nên không thể thu hồi giấy phép trên theo yêu cầu của bà N.

Đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T, huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường chi phí đi lại, photo tài liệu phục vụ cho việc khởi kiện số tiền 15.000.000 đồng: đây là chi phí phục vụ nhu cầu cá nhân của bà N và bà N không cung cấp được chứng từ cụ thể nên Ủy ban nhân dân xã T, huyện C không đồng ý bồi thường số tiền trên.

Đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T, huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C khôi phục lại tình trạng ban đầu căn nhà của bà Võ Thị C và cây ăn trái trên đất: yêu cầu này không phù hợp với thực tế vì hiện nay tại vị trí đất này có 02 dãy nhà đang sử dụng do ông Đ và bà L đứng tên quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

Đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C trả lại và khôi phục Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N575917 vào sổ cấp GCN số 2375/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Võ Thị C ngày 10/12/1998: không thể

phục hồi và trả lại giấy chứng nhận trên do đã chuyển quyền qua nhiều người. Ủy ban nhân dân xã T sẽ phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện khi có bản án của Tòa án nhân dân Thành phố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trác Hiệp T và bà Thạch Thị U có ông Trác Hiệp T là người đại diện ủy quyền trình bày:

Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị N vì lý do: Năm 1998 mẹ bà U được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2001 mẹ bà U có bán một phần diện tích khoảng 500m² đất nêu trên. Sau đó, Nhà nước có thực hiện dự án mở rộng đường, cha bà U có ủy quyền cho bà U nhận tiền bồi thường, không có ai tranh chấp. Năm 2001 mẹ bà U chết. Năm 2006 cha bà U đứng tên nhận di sản thừa kế, cũng không có ai tranh chấp. Cũng trong năm 2006 cha bà U được cấp giấy chứng nhận đối với nhà đất tại thửa đất số 88, tờ bản đồ 106 là di sản thừa kế do mẹ bà U để lại. Năm 2013 cha bà U đã sang tên giấy chứng nhận nêu trên cho bà U, không có ai tranh chấp.

Năm 2015 bà U sang nhượng toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phát Đ và Lê Thị L trình bày:

Vào khoảng năm 2015 vợ chồng ông, bà có nhận chuyển nhượng nhà đất của ông Trác Hiệp T, bà Thạch Thị U theo đúng quy định pháp luật. Thời điểm chuyển nhượng ông Thành, bà U đã được cấp giấy chứng nhận. Việc chuyển nhượng là ngay tình. Ông, bà đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế cho Nhà nước. Hiện nay ông, bà đã xây dựng nhà ở theo Giấy phép xây dựng số 2047B/GPXD ngày 09/11/2015 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp và hiện đang sinh sống tại căn nhà này. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, ông, bà không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại các biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06/9/2019, những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Thạch Thị Thu T, bà Nguyễn Thị P, ông Thạch Ngọc B, ông Thạch Ngọc K, bà Thạch Ngọc Tường V trình bày:

Thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị N.

Những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Thạch Thị P, ông Thạch Văn C, ông Thạch G, ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Thành Th2, ông

Nguyễn Thành Th, ông Điều T có bà Thạch Thị N là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị N.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tuyên hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C là trái pháp luật về việc biết rõ ông Thạch S và bà Võ Thị C có con là Thạch Thị N và Thạch Thị U cư ngụ cùng hộ khẩu tại xã T, huyện C lại xác nhận ông Thạch S là thừa kế duy nhất của bà C, xác nhận thường trú trong đơn xin thừa kế của ông Thạch S không đúng thẩm quyền, nhận hồ sơ xin thừa kế của ông Thạch S và xác nhận chứng thực sai quy định.

Ngoài ra, bà vẫn giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu khởi kiện đã trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Người bị kiện Ủy ban nhân dân xã T, huyện C Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trác Hiệp T và bà Thạch Thị U có ông Trác Hiệp T là người đại diện giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phát Đ và Lê Thị L giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Thạch Thị P, ông Thạch Văn C, ông Thạch G, ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Thành Th2, ông Nguyễn Thành Th ông Điều T có bà Thạch Thị N là người đại diện theo ủy quyền thống nhất với ý kiến Người khởi kiện đã trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về hình thức: Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử và đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính khác từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình do Luật Tố tụng hành chính quy định.

+ Về nội dung:

Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Trác Hiệp T, ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L, bà Thạch Thị Thu T, bà Nguyễn Thị P, ông Thạch Ngọc T, ông Thạch Ngọc K, bà Thạch Ngọc Tường V, ông Thạch Ngọc B vắng mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 157; khoản 1, khoản 3 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Người bị kiện, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện.

[2] Về áp dụng pháp luật: Vụ án hành chính được thụ lý ngày 04/4/2016 trước ngày Luật Tố tụng hành chính năm 2015 có hiệu lực thi hành nhưng kể từ ngày 01/7/2016 mới xét xử theo thủ tục sơ thẩm nên căn cứ khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính áp dụng quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015 để giải quyết.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 563208 số vào sổ cấp GCN số H00184/16 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Thạch S ngày 24/02/2006 và nội dung cập nhật biến động sang tên bà Thạch Thị U vào sổ số H00439/16 ngày 03/5/2006, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 211778 số vào sổ cấp GCN số CH 003269 do huyện C cấp cho bà Thạch Thị U ngày 22/02/2013 và nội dung cập nhật sang tên cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L ngày 23/9/2015, Giấy phép xây dựng số 2047B/GPXD ngày 09/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 575917 vào sổ cấp GCN số 2375/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện C

cấp cho bà Võ Thị C ngày 10/12/1998 là các quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 23/9/2015 Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh cập nhật nội dung sang tên cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 211778 số vào sổ cấp GCN số CH 003269 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Thạch Thị U ngày 22/02/2013. Ngày 04/4/2016 Bà Thạch Thị N nộp đơn khởi kiện. Căn cứ theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 104 Luật Tố tụng hành chính năm 2010, xác định còn thời hiệu khởi kiện.

[5] Về yêu cầu khởi kiện bổ sung: Tại phiên tòa, Người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện: yêu cầu tuyên hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã Tâm An Hội là trái pháp luật khi xác nhận ông Thạch S là thừa kế duy nhất, xác định chứng thực sai quy định. Xét thấy, tại yêu cầu khởi kiện ban đầu, Người khởi kiện đã đưa ra yêu cầu tuyên hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C công chứng, chứng thực hồ sơ thừa kế của ông Thạch S là trái pháp luật. Ngày 13/11/2018, Người khởi kiện đã có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút lại yêu cầu trên. Do yêu cầu khởi kiện bổ sung của Người khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 173 Luật tố tụng hành chính 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bổ sung yêu cầu khởi kiện.

[6] Về tư cách của người tham gia tố tụng - Ủy ban nhân dân xã T huyện C: do Người khởi kiện có yêu cầu khởi kiện bổ sung, yêu cầu tuyên hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C công chứng, chứng thực hồ sơ thừa kế của ông Thạch S là trái pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 9 Điều 3 Luật tố tụng hành chính năm 2015 xác định Ủy ban nhân dân xã T, huyện C là người bị kiện.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của Bà Thạch Thị N, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 563208 số vào sổ cấp GCN số H00184/16 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Thạch S ngày 24/02/2006 và nội dung cập nhật biến động sang tên bà Thạch Thị U vào sổ số H00439/16 ngày 03/5/2006, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 211778 số vào sổ cấp GCN số CH 003269 do Ủy ban nhân dân

huyện C cấp cho bà Thạch Thị U ngày 22/02/2013 và nội dung cập nhật sang tên cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L ngày 23/9/2015, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7.1] Về thẩm quyền ban hành:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003 thì Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 563208 ngày 24/02/2006 cho ông Thạch S và nội dung cập nhật biến động sang tên bà Thạch Thị U vào sổ số H00439/16 ngày 03/5/2006, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 211778 số vào sổ cấp GCN số CH 003269 ngày 22/02/2013 cho bà Thạch Thị U là đúng thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm thực hiện đăng ký đất đai và tài sản khác gắn liền với đất do đó Văn phòng đăng ký đất đai đăng ký biến động đất đai với nội dung sang tên cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L ngày 23/9/2015 là đúng thẩm quyền.

[7.2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 563208 số vào sổ cấp GCN số H00184/16 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Thạch S ngày 24/02/2006: tại Đơn xin thừa kế ngày 10/01/2006 của ông Thạch S, Ủy ban nhân dân xã T, huyện C chỉ xác nhận dấu điếm chỉ của ông Thạch S. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính Phủ về Công chứng chứng thực thì việc chứng thực văn bản khai nhận di sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Do đó việc Ủy ban nhân dân Huyện C cấp giấy chứng nhận cho ông Thạch S khi hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận chưa có văn bản khai nhận di sản có công chứng, chứng thực theo đúng quy định tại Điều 53 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính Phủ về Công chứng chứng thực là đã vi phạm về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 151 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về thi hành luật đất đai.

Đối với và nội dung cập nhật biến động sang tên bà Thạch Thị U vào sổ số H00439/16 ngày 03/5/2006: căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 563208 số vào sổ cấp GCN số H00184/16 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Thạch S ngày 24/02/2006, Giấy cho đất của ông Thạch S cho con ruột là bà Thạch Thị U ngày 11/4/2006 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T,

huyện C ngày 13/4/2006 thì Ủy ban nhân dân huyện C cập nhật biến động là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 143 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về thi hành luật đất đai.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 211778 số vào sổ cấp GCN số CH 003269 do huyện C cấp cho bà Thạch Thị U ngày 22/02/2013: căn cứ vào Quyết định số 8640/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất bị ảnh hưởng bởi dự án đầu tư xây dựng Tuyến N2 đoạn C – Đức Hòa tại Thị trấn C và xã T, huyện C đối với ông (bà) Thạch Thị U thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 144 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về thi hành luật đất đai.

Đối với nội dung cập nhật biến động sang tên cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L ngày 23/9/2015: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 211778 số vào sổ cấp GCN số CH 003269 do huyện C cấp cho bà Thạch Thị U ngày 22/02/2013, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/8/2015 tại Văn phòng công chứng C, Phiếu báo của Chi cục thuế huyện C về việc ông Trần Phát Đ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các khoản thu khác có liên quan đến căn nhà (thửa đất) tại Tỉnh lộ 8, xã T, huyện C thì việc cập nhật biến động là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 5 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai.

[7.3] Về nội dung quyết định:

- Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 563208 số vào sổ cấp GCN số H00184/16 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Thạch S ngày 24/02/2006 và nội dung cập nhật biến động sang tên bà Thạch Thị U số vào sổ H00439/16 ngày 03/5/2006: theo lời khai của bà Thạch Thị N và chứng cứ có trong hồ sơ thì ông Thạch S, bà Võ Thị C có 06 người con gồm: ông Thạch Công, bà Thạch Thị P, ông Thạch Văn C, ông Thạch G, bà Thạch Thị N và bà Thạch Thị U. Năm 1976, ông Thạch S, bà Võ Thị C, cùng 02 người con là Thạch Thị N và Thạch Thị U đi vùng kinh tế mới. Giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú trong hộ ngoại thành số 046/S thể hiện nhân khẩu trong hộ gồm ông Thạch S chủ hộ, bà Võ Thị C vợ chánh, Thạch Thị N con đẻ và Thạch Thị U con đẻ. Do đó, có căn cứ để xác định ông Thạch S không phải là người

thừa kế duy nhất của bà Võ Thị C. Việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận cho ông Thạch S đối với phần đất thuộc di sản thừa kế của bà Võ Thị C là trái quy định của pháp luật vì không đúng đối tượng sử dụng đất do thiếu những người thừa kế theo pháp luật quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 cũng như đã vi phạm về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận cho ông Thạch S trái quy định của pháp luật nên việc ông Thạch S cho bà Thạch Thị U quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận trên và Ủy ban nhân dân huyện C cập nhật biến động sang tên bà Thạch Thị U vào sổ số H00439/16 ngày 03/5/2006 là trái quy định pháp luật. Tuy nhiên, do giấy chứng nhận trên đã bị thu hồi vào ngày 22/2/2013 do đổi giấy nên tại thời điểm bà Thạch Thị N khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ563208 số vào sổ cấp GCN H00184/16 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Thạch S ngày 24/02/2006 và nội dung cập nhật biến động sang tên bà Thạch Thị U số vào sổ H00439/16 ngày 03/5/2006 thì các đối tượng bị khởi kiện trên không còn tồn tại nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà Thạch Thị N.

- Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 211778 số vào sổ cấp GCN số CH 003269 do huyện C cấp cho bà Thạch Thị U ngày 22/02/2013 và nội dung cập nhật biến động sang tên cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L ngày 23/9/2015:

Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/8/2015 tại Văn phòng công chứng C, Phiếu báo của Chi cục thuế huyện C về việc ông Trần Phát Đ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các khoản thu khác có liên quan đến căn nhà (thửa đất) Tỉnh lộ 8, T thì ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Trần Thị Út ngay tình theo quy định tại Điều 138, Điều 258 Bộ luật dân sự năm 2005 và việc cập nhật biến động đã được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 5 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên căn cứ khoản 5 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 211778 số vào sổ cấp GCN CH 003269 do huyện C cấp cho bà Thạch Thị U ngày 22/02/2013 và nội dung cập nhật biến động sang tên cho ông Trần Phát Đ, bà Lê

Thị L ngày 23/9/2015 vì tụy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 211778 số vào sổ cấp GCN CH 003269 đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013 nhưng bà Thạch Thị U đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật nên Nhà nước không thu hồi giấy chứng nhận trên.

[8] Đối với yêu cầu hủy Giấy phép xây dựng số 2047B/GPXD ngày 09/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L: xét thấy, tại thời điểm cấp Giấy phép xây dựng, ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L đã được cập nhật biến động đối với phần diện tích đất được yêu cầu cấp giấy phép xây dựng. Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy phép xây dựng cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 103 Luật Xây dựng năm 2014 về quy trình và thẩm quyền cấp và Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 211778 số vào sổ cấp GCN CH 003269 do huyện C cấp cho bà Thạch Thị U ngày 22/02/2013 và đã được cập nhật biến động sang tên cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L ngày 23/9/2015 nên không có cơ sở để hủy Giấy phép xây dựng số 2047B/GPXD ngày 09/11/2015 theo yêu cầu của bà N.

[9] Đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường chi phí đi lại, photo tài liệu phục vụ cho việc khởi kiện số tiền 15.000.000 đồng: Tại các chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như tại phiên tòa, người khởi kiện chỉ đưa ra mức tiền yêu cầu bồi thường mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho những thiệt hại trên đã phát sinh trong thực tế nên theo quy định tại Điều 7, khoản 2 Điều 13 Luật trách nhiệm bồi thường năm 2017 thì không có cơ sở để chấp nhận.

[10] Đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T, huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C khôi phục lại tình trạng ban đầu căn nhà của bà Võ Thị C và cây ăn trái trên đất, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C trả lại và khôi phục Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N575917 vào sổ cấp GCN số 2375/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Võ Thị C ngày 10/12/1998: Do Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 211778 số vào sổ cấp GCN CH 003269 do huyện C cấp cho bà Thạch

Thị U ngày 22/02/2013 và đã được cập nhật biến động sang tên cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L ngày 23/9/2015 nên không có cơ sở để chấp nhận các yêu cầu trên của bà Thạch Thị N.

[11] Đối với yêu cầu tuyên hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C là trái pháp luật về việc biết rõ ông Thạch S và bà Võ Thị C có con là Thạch Thị N và Thạch Thị U cư ngụ cùng hộ khẩu tại xã T, huyện C lại xác nhận ông Thạch S là thừa kế duy nhất của bà Còn, xác nhận thường trú trong đơn xin thừa kế của ông Thạch S không đúng thẩm quyền, nhận hồ sơ xin thừa kế của ông Thạch S và xác nhận chứng thực sai quy định: Xét Đơn xin thừa kế ngày 10/01/2006 của ông Thạch S, Ủy ban nhân dân xã T huyện C chỉ xác nhận dấu điền chỉ trong đơn xin thừa kế của ông Thạch S, không xác nhận ông Thạch S là thừa kế duy nhất của bà Còn. Nội dung xác nhận thường trú trong đơn xin thừa kế là do trưởng ấp T xác nhận, không phải do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C xác nhận. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính Phủ về Công chứng chứng thực thì việc Ủy ban nhân dân xã T, huyện C chỉ xác nhận dấu điền chỉ trong đơn xin thừa kế của ông Thạch S là đúng thẩm quyền, do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà Thạch Thị N.

[12] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do các yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ quốc hội, bà Thạch Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm và 750.000 đồng án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tổng cộng 1.050.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 3, khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 157; khoản 1, khoản 3 Điều 158, khoản 1 Điều 173, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;
- Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010;
- Căn cứ khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính;
- Căn cứ khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003;
- Căn cứ Điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 5, khoản 5 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 22, điểm a khoản 1 Điều 24, Điều 53 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính Phủ về Công chứng chứng thực;
- Căn cứ Điều 143, Điều 144, Điều 151 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính Phủ về thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Điều 138, Điều 258, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Điều 103 Luật Xây dựng năm 2014;
- Căn cứ Điều 7, khoản 2 Điều 13 Luật trách nhiệm bồi thường năm 2017;
- Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử :

1. Bác các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Thạch Thị N gồm các yêu cầu sau:

Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 563208 số vào sổ cấp GCN H00184/16 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Thạch S ngày 24/02/2006 và nội dung cập nhật biến động sang tên bà Thạch Thị U số vào sổ H00439/16 ngày 03/5/2006; Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 211778 số vào sổ cấp GCN CH 003269 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Thạch Thị U ngày 22/02/2013 và nội dung cập nhật sang tên cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L ngày 23/9/2015; Yêu cầu hủy Giấy phép xây dựng số 2047B/GPXD ngày 09/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trần Phát Đ, bà Lê Thị L; Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T, huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường chi phí đi lại, photo tài liệu phục vụ cho việc khởi kiện số tiền 15.000.000 đồng; Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T, huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C khôi phục lại tình trạng ban đầu căn nhà của bà Võ Thị C và cây ăn trái trên đất; Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C trả lại và khôi phục Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N575917 vào sổ cấp GCN số 2375/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Võ Thị C ngày 10/12/1998; Yêu cầu tuyên hành vi

hành chính của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C là trái pháp luật về việc biết rõ ông Thạch S và bà Võ Thị C có con là Thạch Thị N và Thạch Thị U cư ngụ cùng hộ khẩu tại xã T, huyện C lại xác nhận ông Thạch S là thừa kế duy nhất của bà C, xác nhận thường trú trong đơn xin thừa kế của ông Thạch S không đúng thẩm quyền, nhận hồ sơ xin thừa kế của ông Thạch S và xác nhận chứng thực sai quy định.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Thạch Thị N phải chịu 1.050.000 (một triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0002936 ngày 04/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Thạch Thị N còn phải nộp 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hải Vân